

TỜ TRÌNH **BÁO CÁO THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2025** **VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026 CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,** **BAN KIỂM SOÁT TCTHK**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng không Việt Nam;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quản lý tiền lương.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về quỹ tiền lương (QTL), thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (VNA) thực hiện năm 2025 (TH2025) và kế hoạch năm 2026 (KH2026) như sau:

I. QTL, thù lao Thành viên HĐQT, BKS thực hiện năm 2025

1. QTL, thù lao Thành viên HĐQT, BKS kế hoạch năm 2025 (KH2025)

Kế hoạch QTL, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt là **9.432,0 triệu VND**. Trong đó: QTL, thù lao KH2025 được lập trên cơ sở kế hoạch số lượng thành viên, thời gian công tác và mức tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS bằng tối đa 02 lần mức lương cơ bản theo chức danh của Doanh nghiệp Nhóm I, Mức 1, Các ngành, lĩnh vực còn lại theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (NĐ 44) và căn cứ kết quả chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế và chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp của chủ sở hữu kế hoạch năm 2025¹ cao hơn kết quả thực hiện năm 2024.

2. QTL, thù lao Thành viên HĐQT TH2025

Năm 2025, mức tiền lương, thù lao thực hiện của Thành viên HĐQT được xác định trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành và kết quả SXKD của TCT, cụ thể áp dụng theo NĐ 44 đối với giai đoạn từ tháng 01/2025 đến hết tháng 7/2025 và theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP (NĐ 248) đối với giai đoạn từ tháng 8/2025 đến hết tháng 12/2025.

 Trong 7 tháng đầu năm 2025: Căn cứ Khoản 2, Điều 22, NĐ 44, với LNTT và tỉ suất LNTT/vốn góp chủ sở hữu TH2025 đạt 132,2% KH2025, TCT đủ điều kiện tính thêm tiền lương theo nguyên tắc cứ 1% LNTT vượt so KH, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương TH (trong đó mức tiền lương TH được tính tối đa bằng mức tiền lương KH theo quy định tại

¹ Lợi nhuận trước thuế KH2025 đạt 4.168 tỷ VND cao hơn TH2024 đạt 2.787 tỷ VND; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn góp của chủ sở hữu KH2025 đạt 18,8% (sau khi loại trừ yếu tố khách quan tăng vốn góp của chủ sở hữu theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ) và đạt 13,4% (nếu không tính đến yếu tố khách quan), cao hơn TH2024 đạt 12,6%.

Điểm a, Khoản 1, Điều 22, NB 44). Trên cơ sở đó, mức tiền lương TH2025 của Thành viên HĐQT chuyên trách xác định bằng 120% mức tiền lương KH2025. Mức thù lao của Thành viên HĐQT không chuyên trách bằng 20% mức tiền lương của chức danh chuyên trách.

 Trong 05 tháng cuối năm 2025: Căn cứ Điểm a, Khoản 4, Điều 5, NB 248, trường hợp LNTT TH2025 cao hơn từ 02 lần so với lợi nhuận tối thiểu của doanh nghiệp Nhóm I, Mức 1, theo ngành, lĩnh vực còn lại (2.700 tỷ VND), TCT được xác định mức tiền lương, thù lao tối đa của Thành viên HĐQT bằng 2,5 lần mức lương cơ bản của doanh nghiệp Nhóm I, Mức 1, Các ngành, lĩnh vực còn lại.

3. QTL, thù lao Thành viên BKS TH2025

 Trong 7 tháng đầu năm 2025: Cách xác định tương tự mức tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT trong 07 tháng đầu năm 2025.

 Trong 05 tháng cuối năm 2025: Xác định trên cơ sở quy chế lương của TCT, đảm bảo tương quan với các chức danh lãnh đạo quản lý trong TCT (mức lương Trưởng BKS tương đương Thành viên HĐQT, Thành viên BKS tương đương Trưởng ban chuyên môn nghiệp vụ của TCT).

Tổng QTL, thù lao TH2025 của Thành viên HĐQT, BKS là **10.496,1 triệu VND**. Chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu VND

STT	Nội dung	KH2025	7TDN theo NB 44	5TCN theo NB 248	Tổng TH2025
I	QTL, thù lao của Thành viên HĐQT	5.976,0	4.183,2	3.112,5	7.295,7
1	Thành viên chuyên trách	5.040,0	3.528,0	2.625,0	6.153,0
2	Thành viên không chuyên trách	936,0	655,2	487,5	1.142,7
II	QTL, thù lao của Thành viên BKS	3.456,0	2.032,9	1.167,5	3.200,4
1	Thành viên chuyên trách	3.144,0	1.814,5	1.005,0	2.819,5
2	Thành viên không chuyên trách	312,0	218,4	162,5	380,9
	Tổng cộng	9.432,0	6.216,1	4.280,0	10.496,1

(1) Số lượng Thành viên HĐQT chuyên trách KH và TH2025: 03 người (thời gian công tác: 36 tháng); Thành viên HĐQT không chuyên trách KH và TH2025: 03 người (thời gian công tác: 36 tháng).

(2) Số lượng Thành viên BKS chuyên trách, không chuyên trách KH2025: 03 người (thời gian công tác: 36 tháng). Số lượng Trưởng BKS chuyên trách TH2025: 01 người (thời gian công tác là 12 tháng); Thành viên BKS chuyên trách: 01 người (thời gian công tác thực tế 6,3 tháng, lý do: nghỉ thai sản); Thành viên BKS không chuyên trách: 01 người (thời gian công tác: 12 tháng).

II. Kế hoạch QTL, thù lao Thành viên HĐQT, BKS năm 2026

1. QTL, thù lao của Thành viên HĐQT kế hoạch năm 2026

Năm 2026, việc xác định mức tiền lương, thù lao KH và TH của Thành viên HĐQT căn cứ theo quy định của NĐ 248.

Căn cứ Điều 4, Điều 5, NĐ 248 và các chỉ tiêu SXKD KH2026 (trong đó, chỉ tiêu LNTT được xem xét loại trừ yếu tố khách quan)², TCT xác định mức tiền lương KH2026 của Thành viên HĐQT bằng 02 lần mức lương cơ bản của chức danh tương ứng của Doanh nghiệp Nhóm I, Mức 1, Các ngành, lĩnh vực còn lại. Mức thù lao của Thành viên HĐQT TCT không chuyên trách bằng 20% mức tiền lương của chức danh chuyên trách tương ứng.

2. QTL, thù lao của Thành viên BKS kế hoạch năm 2026

QTL, thù lao của Thành viên BKS KH2026: Xác định trên cơ sở quy chế lương của TCT, đảm bảo tương quan với các chức danh lãnh đạo quản lý trong TCT (mức lương Trưởng BKS tương đương Thành viên HĐQT, Thành viên BKS tương đương Trưởng ban chuyên môn nghiệp vụ của TCT).

 Tổng QTL, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS KH2026 là **9.120,0 triệu VND**. Chi tiết như sau:

ST T	Nội dung	Số người (người)	Thời gian làm việc (tháng)	QTL, thù lao KH2026 (Triệu VND)
I	QTL, thù lao Thành viên HĐQT	6	72	5.976,0
1	Thành viên chuyên trách	3	36	5.040,0
2	Thành viên không chuyên trách	3	36	936,0
II	QTL, thù lao Thành viên BKS	3	36	3.144,0
1	Thành viên chuyên trách	2	24	2.880,0
2	Thành viên không chuyên trách	1	12	264,0
	Tổng cộng	9	108	9.120,0

Trường hợp trong năm 2026, VNA bổ sung Thành viên HĐQT, BKS thì mức tiền lương, thù lao được xác định bằng mức tiền lương, thù lao của chức danh tương ứng.

Trân trọng kính trình./.

² LNTT KH2026 ĐHĐCĐ đạt 101 tỷ VND, sau khi loại trừ các yếu tố khách quan theo nguyên tắc quy định tại NĐ 248 và các giải pháp tự thân của TCTHK, LNTT KH2026 ĐHĐCĐ cao hơn mức lợi nhuận tối thiểu của Doanh nghiệp Nhóm I, Mức 1, Các ngành, lĩnh vực còn lại.